

Số: /VPUB-TTPVHCC
V/v công bố kết quả Bộ chỉ số
phục vụ người dân, doanh nghiệp
tháng 07.2025

Sơn La, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 4660/VPCP-KSTT ngày 26/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), tại mục “***Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương***”. Văn phòng UBND tỉnh công bố kết quả Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong tháng 7 năm 2025 của tỉnh như sau:

1. Tổng số điểm Sơn La đạt: 75.8/100 điểm, xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố (Số liệu tại thời điểm tra cứu lúc 10h00' ngày 05/07/2025. Số liệu này có thể thay đổi theo thời gian)

Một số tiêu chí đạt kết quả như sau:

- Công khai, minh bạch đạt: 15.4/18 điểm.
- Tiến độ giải quyết đạt: 19.55/20 điểm.
- Dịch vụ công trực tuyến đạt: 8.39/22 điểm;
- Mức độ hài lòng đạt: 18/18 điểm;
- Số hóa hồ sơ đạt: 14.82/22 điểm.
- Thanh toán trực tuyến đạt: 8.0/10 điểm;

2. Các cơ quan, đơn vị có hồ sơ giải quyết TTHC quá hạn tháng 07.2025

- Trong tháng 7/2025, toàn tỉnh Sơn La có 102 hồ sơ quá hạn tại 20 cơ quan, đơn vị (Trong đó, gồm 04 sở và 16 UBND các xã, phường).

(Có phụ lục 1 kèm theo)

- Đề nghị các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có hồ sơ quá hạn chủ động rà soát, đánh giá nguyên nhân của việc chậm tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và có giải pháp khắc phục trong thời gian tiếp theo, có văn bản xin lỗi tổ chức, công dân theo quy định. Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá nguyên nhân chậm tiến độ giải quyết thủ tục hành chính gửi về Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

(Có phụ lục 2 kèm theo)

Văn phòng UBND tỉnh công bố kết quả trên đến các cơ quan, đơn vị, địa phương biết để phát huy những điểm tốt và khắc phục những tiêu chí đạt tỷ lệ thấp.

Công văn này thay thế Công văn số 1735/VPUB-TTPVHCC ngày 06/8/2025 của Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- LĐ VPUBND tỉnh;
- TT PVHCC;
- Trung tâm Thông tin;
- Viễn thông Sơn La (*VNPT Sơn La*);
- Các phòng nội dung VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Bình Minh

Phụ lục 1
Thông kê hồ sơ xử lý quá hạn tháng 7.2025
(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUB-TTPVHCC ngày tháng năm
của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng hồ sơ
I	Các sở, ban, ngành	
1	Sở Tài chính	27
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5
3	Sở Tư pháp tỉnh	1
4	Sở Y tế	6
II	UBND các xã, phường	
1	UBND Xã Mai Sơn	32
2	UBND Xã Tà Xùa	6
3	UBND Xã Phiêng Păn	1
4	UBND Phường Tô Hiệu	4
5	UBND Phường Vân Sơn	4
6	UBND Phường Chiềng Cơi	3
7	UBND Phường Mộc Sơn	2
8	UBND Phường Thảo Nguyên	2
9	UBND Xã Sốp Cộp	2
10	UBND Xã Long Hẹ	1
11	UBND Xã Phù Yên	1
12	UBND Xã Đoàn Kết	1
13	UBND Xã Mường Bám	1
14	UBND Xã Chiềng Lao	1
15	UBND phường Mộc Châu	1
16	UBND Xã Chiềng Mung	1

Phụ lục 2
Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUB-TTPVHCC ngày tháng năm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm
I	Các sở, ban, ngành	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	88.72
2	Sở Nội vụ	88.26
3	Sở Xây dựng	85.62
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	85.34
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	83.17
6	Ban Quản lý các khu công nghiệp	81.33
7	Công an tỉnh	81
8	Sở Y tế	78.35
9	Sở Khoa học và Công nghệ	77.92
10	Sở Công Thương	70.07
11	Sở Tư pháp	56.7
12	Sở Tài chính	55.95
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	32
14	Sở Ngoại vụ	32
II	UBND các xã, phường	
1	UBND Xã Thuận Châu	72.39
2	UBND Xã Bắc Yên	70.05
3	UBND Xã Mường La	69.91
4	UBND Xã Mường Bú	69.91
5	UBND Phường Chiềng Cơi	69.14

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm
6	UBND Xã Mường Bang	68.77
7	UBND Xã Lóng Sập	68.7
8	UBND Xã Quỳnh Nhai	68.68
9	UBND Phường Chiềng Sinh	68.57
10	UBND Xã Sốp Cộp	68.37
11	UBND Xã Tân Phong	68.3
12	UBND Xã Suối Tọ	68.28
13	UBND Xã Muối Nội	68.26
14	UBND Xã Xuân Nha	68.22
15	UBND Xã Tô Múa	68.13
16	UBND Phường Mộc Châu	68.11
17	UBND Xã Phù Yên	67.79
18	UBND Xã Phiêng Păn	67.43
19	UBND Phường Mộc Sơn	67.07
20	UBND Xã Lóng Phiêng	67.06
21	UBND Xã Chiềng Lao	67.05
22	UBND Xã Vân Hồ	66.99
23	UBND Phường Chiềng An	66.97
24	UBND Xã Sông Mã	66.94
25	UBND Phường Tô Hiệu	66.85
26	UBND Xã Mường É	66.38
27	UBND Xã Mai Sơn	66.28
28	UBND Xã Mường Sại	66.26
29	UBND Xã Song Khũa	66.2

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm
30	UBND Xã Xím Vàng	66.15
31	UBND Xã Chiềng Hặc	66.12
32	UBND Xã Púng Bính	65.9
33	UBND Xã Chiềng Sung	65.86
34	UBND Xã Gia Phù	65.81
35	UBND Xã Nậm Lầu	65.56
36	UBND Xã Mường Chiên	65.48
37	UBND Xã Tạ Khoa	65.45
38	UBND Xã Chiềng Hoa	65.37
39	UBND Xã Phiêng Cầm	65.34
40	UBND Xã Bình Thuận	65.27
41	UBND Xã Mường Hung	64.83
42	UBND Xã Mường Khiêng	64.62
43	UBND Xã Yên Châu	64.61
44	UBND Xã Mường Lạn	64.59
45	UBND Xã Yên Sơn	64.45
46	UBND Xã Chiềng Khoong	64.4
47	UBND Phường Thảo Nguyên	64.21
48	UBND Xã Mường Lầm	64.1
49	UBND Xã Long Hẹ	64.08
50	UBND Xã Chiềng Sơn	63.95
51	UBND Xã Ngọc Chiến	63.9
52	UBND Xã Phiêng Khoài	63.82
53	UBND Xã Mường Lèo	63.45

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm
54	UBND Xã Chiềng Mung	63.44
55	UBND Xã Mường Giôn	63.28
56	UBND Xã Tà Hộc	62.81
57	UBND Xã Bó Sinh	62.66
58	UBND Xã Mường Chanh	62.65
59	UBND Xã Huổi Một	62.27
60	UBND Xã Chiềng La	62.13
61	UBND Xã Kim Bon	62.04
62	UBND Xã Chiềng Khương	60.93
63	UBND Xã Đoàn Kết	60.74
64	UBND Xã Chiềng Sại	60.14
65	UBND Phường Vân Sơn	59.61
66	UBND Xã Tân Yên	59.17
67	UBND Xã Chiềng Mai	58.64
68	UBND Xã Mường Cơi	57.2
69	UBND Xã Pắc Ngà	56.01
70	UBND Xã Chiềng Sơ	55.55
71	UBND Xã Mường Bám	52.53
72	UBND Xã Tà Xùa	52.34
73	UBND Xã Nậm Ty	52.29
74	UBND Xã Tường Hạ	51.58
75	UBND Xã Co Mạ	51.57